

Số: /GPMT-KKTKCN

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ
KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Công văn số 7684/UBND-PVHCC ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét Văn bản số 10/2026/CV-VF ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Văn bản số 06/CV-CDV ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Nhà máy chế biến nha đam tại Lô D1, Khu công nghiệp (KCN) Thành Hải, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt, địa chỉ tại Lô D1, KCN Thành Hải, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các

hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến nha đam tại Lô D1, KCN Thành Hải, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến nha đam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D1, KCN Thành Hải, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 4500577748 do Phòng Quản lý doanh nghiệp - Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 8 năm 2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2178717470 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Thuận (nay là Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa) chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 07 ngày 31 tháng 7 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 4500577748.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất chế biến nông sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 19.761m².

- Dự án có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất:

+ Sản phẩm từ chế biến cây nha đam: 30.000 tấn thành phẩm/năm;

+ Sản phẩm từ chế biến củ hành, tỏi, ớt: 100 tấn thành phẩm/năm;

+ Sản phẩm từ chế biến bưởi, khoai lang, bơ, chanh dây, táo, nho, chuối, thơm: 2.000 tấn thành phẩm/năm;

+ Sản phẩm điện từ hệ thống năng lượng mặt trời áp mái dưới 1 MW.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình chế biến nha đam: Lá nha đam → Kiểm tra, tiếp nhận → Rửa bồn 1 → Rửa vòi phun → Cắt đầu, đuôi → Rửa bồn 2 → Gọt vỏ → Rửa lần 1 → Kiểm lần 1 → Kiểm lần 2 → Rửa lần 2 → Lạng độ dày → Tạo hình → Tách nhót → Chuyển sang công đoạn sản xuất thành phẩm → (1. Quy trình chế biến nha đam truyền thống) hoặc (2. Quy trình chế biến nha đam CAC) hoặc (3. Quy chế chế

biến nha đam UHT–ASEPTIC):

++ (1): Ngâm chờ → Xả nước → Gia nhiệt → Làm ráo → Vô bao – ghép mí/vô trùng → Làm nguội → Thanh trùng → Làm nguội → Làm ráo → Kiểm tra → Đóng thùng → Lưu kho, kiểm giao.

++ (2): Ngâm lạnh → Xả nước → Gia nhiệt → Làm ráo → Vô bao – ghép mí/vô trùng → Thanh trùng → Làm nguội → Làm ráo → Kiểm tra → Đóng thùng → Lưu kho, kiểm giao.

++ (3): Pha chế → Gia nhiệt UHT – Làm lạnh → Rót Aseptic → Đóng phuy → Lưu kho, kiểm giao.

+ Quy trình chế biến ớt: Ớt tươi → Phân loại, bỏ cuống → Rửa → Chần → Sấy → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình chế biến củ hành, tỏi: Nguyên liệu → Phân loại, cắt rễ → Rửa sạch → Phơi khô → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình chế biến bưởi, khoai lang, bơ, chanh dây, táo, nho, chuối thơm: Nguyên liệu → Chọn, phân loại → Ngâm - rửa → Gọt vỏ, cắt đầu, đột lõi → Xử lý lại (chần) → Để ráo nước → Cấp đông IQF → Cân, đóng gói → Dò kim loại → Ghi nhãn, bao gói, đóng thùng → Bảo quản, trữ đông → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt (Công ty) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các thông tin, số liệu liên quan được nêu tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp phép.

Điều 4. Giao Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường tham mưu nhiệm vụ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Trưởng ban (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Bảo An;
- Công ty CP Thực phẩm Cánh Đồng Việt;
- Cổng Thông tin điện tử của Ban Quản lý;
- Phòng KHĐT, DNGSĐT;
- Lưu: VT, QHXDMT, HHQN, 12.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Vinh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKTKCN ngày ... tháng năm 2026 của Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025 (nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thành Hải theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 05/2024/HĐDV-XLNT ngày 01/6/2024; Phụ lục hợp đồng số 06/2025/PLHĐ-XLNT ngày 08/9/2025 và Phụ lục hợp đồng số 01/2026/PLHĐ-XLNT ngày 05/01/2026 với Ban Quản lý dự án, hạ tầng (đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thành Hải); nước thải không xả trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà điều hành: được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn (số 01) để xử lý sơ bộ; Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn, bếp và nhà vệ sinh 01 được thu vào bể tự hoại 03 ngăn (số 02) để xử lý sơ bộ; Nước thải sinh hoạt sau khi qua 02 bể tự hoại số 01, số 02 theo đường ống HDPE D150 đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.100m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh 02 được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn (số 03) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống HDPE D150 đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.100m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.
- Nước thải sản xuất phát sinh từ xưởng 02 (sản xuất nha đam) theo hệ thống ống nhựa HDPE D300; nước thải sản xuất phát sinh từ xưởng 03 (sản xuất nha đam) theo hệ thống ống nhựa HDPE D300; nước thải sản xuất phát sinh từ xưởng 04 (sản xuất hành, tỏi, ớt, rau, củ, quả) theo hệ thống ống nhựa HDPE D300; Tất cả nước thải từ xưởng 02, 03, 04 tập trung về hố ga cuối xưởng 03, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.100m³/ngày đêm để xử lý.
- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi định kỳ được bơm về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.100m³/ngày đêm để xử lý.
- Nước thải từ máy ép bùn theo đường ống nhựa PVC D90 đưa về hệ thống xử lý

nước thải công suất $1.100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý.

- Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất $1.100\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thành Hải tại hố ga có tọa độ: X = 1283396; Y = 581067 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Ngăn chứa $\rightarrow$ Ngăn lắng $\rightarrow$ Ngăn lọc $\rightarrow$ Hố ga $\rightarrow$ Hệ thống xử lý nước thải công suất $1.100\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Số lượng bể tự hoại: 03.

- Dung tích bể tự hoại: $10\text{ m}^3/\text{bể}$; Kích thước B x L x H = (4 x 1,5 x 1,8) m/bể.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất $1.100\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Bể thu gom $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Cụm bể DAF $\rightarrow$ Cụm bể UASB $\rightarrow$ Cụm bể Aerotank $\rightarrow$ Bể lắng sinh học (kết hợp màng MBR) $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Thành Hải (nước thải đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Thành Hải).

- Công suất thiết kế: $1.100\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Chế độ xả nước thải: liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Polymer, NaOH, PAC, Chlorine (*hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Thành Hải*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải không vượt công suất thiết kế.

+ Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Phương án ứng phó sự cố:

+ Khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, tiến hành đóng van xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN.

+ Nước thải đầu vào được chứa tạm thời trong bể điều hòa và các bể khác của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài, hệ thống xử lý

nước thải không đảm bảo cho việc lưu chứa nước thải trong quá trình khắc phục sự cố, liên hệ với đơn vị có chức năng để xử lý hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất.

+ Tiến hành sửa chữa hệ thống xử lý nước thải; kiểm tra, xác định nguyên nhân, tiến hành khắc phục sự cố.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa đạt yêu cầu, nước thải được bơm ngược về bể thu gom để bắt đầu lại quy trình xử lý.

+ Kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý. Khi nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN sẽ mở van xả nước thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN. Trong mọi trường hợp, nước thải sau xử lý phải xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép của KCN.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (*theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ Nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN Thành Hải trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thành Hải.

3.3. Đảm bảo bố trí đầy đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải; hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu tiêu chuẩn đầu nối của KCN Thành Hải và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Trong trường hợp nước thải có nguy cơ vượt công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, phải tiến hành giảm công suất sản xuất của Nhà máy, kịp thời có kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải. Trước khi nâng công suất hệ thống xử lý nước thải, Công ty báo cáo về cơ quan có chức năng để được hướng dẫn thủ tục trước khi thực hiện.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-KKTKCN ngày... tháng năm 2026 của Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 250 kVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

Thông tin về dòng xả khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi 5 tấn/giờ (thoát khí thải từ nguồn số 01).	1283430	580984
Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói của máy phát điện dự phòng công suất 250 kVA (thoát khí thải từ nguồn số 02).	1283428	581016

- Địa chỉ: Lô D1, KCN Thành Hải, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 23.150 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 1.210 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Xả liên tục (thời gian tối đa 24 giờ/ngày đêm).
- Dòng khí thải số 02: Xả gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m³/giờ	23.150 (*)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi	mg/Nm³	40		
3	SO₂	mg/Nm³	130		
4	NO _x	mg/Nm³	150		
5	CO	mg/Nm³	200		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải. Tuy nhiên, nhiên liệu sử dụng cho máy phát điện (dầu DO) phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định.				

(*): Lưu lượng được phép xả khí thải lớn nhất nêu tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi (nguồn số 01): thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý khí thải, sau đó xả ra môi trường qua ống khói số 01.
- Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 250 kVA (nguồn số 02): được xả trực tiếp ra môi trường qua ống khói số 02.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải lò hơi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone → Quạt hút → Tháp dập bụi → Ống khói.
- Công suất: 23.150 m³/giờ.
- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:
 - + Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng hệ thống hoạt động bị quá tải.
 - + Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.

+ Chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng để bị hư hỏng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Phương án ứng phó sự cố:

+ Khi phát hiện hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, tiến hành ngừng hoạt động sản xuất tại công đoạn phát sinh khí thải; sửa chữa, khắc phục hệ thống xử lý; chỉ hoạt động lại sau khi khí thải xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi: công suất thiết kế 23.150 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): thân ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý; đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và khoản 3, 4 Điều 11, điểm e khoản 3 Điều 36 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường đã được cấp, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa trước thời điểm kết thúc vận hành

thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý bụi, khí thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc, vật liệu để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKTKCN ngày... tháng ... năm 2026 của Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực tiếp nhận, sơ chế xương số 3.
- Nguồn số 02: Khu vực quay tách nước, bồn nấu xương số 2.
- Nguồn số 03: Khu vực lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 04: Khu vực kho thành phẩm.
- Nguồn số 05: Khu vực xưởng cơ khí.
- Nguồn số 06: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Kể từ ngày 01/01/2027, áp dụng theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)			Ghi chú
QCVN 26:2010/BTNMT	Từ 6h00 đến 21h00		Từ 21h00 đến trước 6h00)	Khu vực thông thường
	70		55	
QCVN 26:2025/BNNMT	Ngày (6h00 đến trước 18h00	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)	Khu vực E
	70	65	60	

2.2. Độ rung:

	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Ghi chú
QCVN 26:2010/BTNMT	Từ 6h00 đến 21h00	Từ 21h00 đến trước 6h00)	Khu vực thông thường
	70	60	
QCVN 27:2025/BNNMT	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)	Khu vực D
	75	70	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc tại nhà máy.
- Tăng cường việc trồng, bố trí cây xanh xung quanh trong khuôn viên nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKTKCN ngày... tháng ... năm 2026 của Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

- 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 76 kg/năm.
- 1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 36.360 tấn/năm.
- 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 33,6 tấn/năm.
- 1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: 182,595 tấn/năm.

2. 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Kho/khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích: 11,22 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu tường, mái tôn, nền lát gạch, mặt nền cao hơn sân để tránh nước mưa chảy tràn, có rãnh thu gom; có gắn biển cảnh báo và các thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho/khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích: 23,45 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu nền bê tông xi măng, tường bao quanh, mái tôn.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho/ khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích: 25,46 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu nền bê tông xi măng, tường bao quanh, mái tôn.

2.4. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phải đáp ứng đầy đủ theo quy định tại các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định.
3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025*).
4. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKTKCN ngày... tháng ... năm 2026 của Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.
4. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Bảo An (nơi thực hiện dự án) theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.
7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.